SỞ GD&ĐT BẮC GIANG

A. impressed

A. While

ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2016-2017

Môn: Tiếng Anh lớp 9 (Thời gian làm bài: 45 phút)

Họ và tên:	(F SE	lọc sinh làm bài tr 3D:	•	• /
I. LISTENING T	TEST(2pts)			
Part 1. Listen to the red	cording and circle the ap	propriate answer	A, B or C	(1pt). There is one
example. You will hear	the recording twice.			
Example: 0. Where die	d Laura and her family	go last weekend?		
A. to the country	B. to the beach	0	(C) to the	mountain
1. What was the weather				
A. rainy	B. sunny		C. snowy	
2. What did Laura's brot				
A. made snowman	B. learnt to ski	į	C. threw	snow
3. What happened to Lar			A	
A. He fell into a tree.	B. He fell over	on the snow.	C. He ski	ed well.
4. What did he hurt?				
A. He broke his arm.	B. He lost a to	oth.	C. He hu	rt his nose.
	n each numbered blank			
recording twice.				1 /
_	Here is a special announ	cement. A little gir	l is reporte	d missing. She was last
-	ates ago near the main er	_	-	•
	l. She has short dark hair.			
	se. She's wearing a pairs			
	see Mary, please bring			
waiting for her there. Th		,		· /————
•	C or D in each group wh	ose underlined par	t is pronou	nced differently from
others. (1 pt)			• •	•
1. A. <u>ou</u> t	B. ab <u>ou</u> t	C. round	D. w	ould
2. A. helped	B. washed	C. played		nugh <u>ed</u>
3. A. <u>ch</u> ild	B. school	C. headache		hemistry
4. A. heat	B.reason	C. teacher	D. a	ppear
_	ver among A, B, C or D	to complete the fo	llowing ser	ntences. (2 pts)
1. A: "May I go out for		,,	Ö	
A. It's nice of you	-	eat! C. Go al	head!	D. Yes, you could!
	my bike. I cann			
A. took	B. has taken			D. is taking
3. He was named	a famous singer.			C
A. for	B. to	C. from		D. after
4. She said she	Ha Long Bay the follo	wing day.		
A. would visit	B. will visit	C. visite	ed	D. will be visited
5. Hoa never goes to the	zoo, ?			
A. is she	B. does she	C. doesi	n't she	D. isn't she
	_ up early in the morning			
A. to get	B. get	C. gettir	ng	D. to getting
_	by the structure of the c	_	-	5 6

B. impress

B. during

8. It's nearly three months _____ he visited his parents.

C. impression

C. since

D. impressment

D. when

IV. Give the correct tense/ form of the verb in brackets. (1 pt) Answers:
1. Nam (<i>not see</i>) his sister for a long time
2. She (ask) me if I came from Vietnam.
3. Listen to these foreigners! What language they (<i>speak</i>)?
4. The house (<i>build</i>) ten years ago
V. Fill in each numbered blank with one suitable word in the box to complete the passage. (1pt)
Many to get recently decorating buy
Great numbers of home computers have been sold (1) People know more
about computers than they used (2) Computers help us much in our work and they
are playing a big part in our lives. (3) people believe we can look forward to the day
when our household jobs like cleaning, ironing and (4)will be done by computer-
controlled robots.
VI. Read the following passage and answer the questions. (1 pt)
As a result of years of research, we know that too much animal fat is bad for our health. For
example, American eat a lot of meat and only a small amount of grains, fruit and vegetables. Because
of their diet, they have high rates of cancer and heart disease. In Japan, in contrast, people eat large
amounts of grains and very little meat. The Japanese also have low rates of cancer and heart disease. In
fact the Japanese live longer than anyone else in the world. Unfortunately, when people move to the
US, the rates of heart disease and cancer increase as their diet changes. Moreover, as hamburgers, ice-
cream, and other high fat food become popular in Japan, the rates of heart disease and cancer are
increasing there as well. People are also eating more meat and dairy products in other countries such as
Cuba and Hungary. Not surprisingly, the disease rates in these countries are increasing along with the
change in diet. Consequently, doctors everywhere advise people to eat more grains, fruit and
vegetables and to eat less meat and fewer dairy products.
Questions:
1. Why do American have high rates of cancer and heart disease?
2. Do the Japanese live longer than anyone else in the world?
3. In which countries are people also eating more meat and dairy products?
4. What do doctors everywhere advise people?
VII. Rewrite the sentence so that it means as the first one, beginning with the given words. (0,5 pt)
1. I haven't seen my brother for a month.
\Rightarrow I didn't
2. "How often do you go to the English club?" Nam asked Lan.
⇒ Nam asked Lan
VIII. Using the suggested words or phrases to write meaningful sentences. (0,5 pt)
1. We / used / wear / uniforms / when / we / be / school.
\Rightarrow
2. He / wish / he / have / new / computer.
⇒
IX. In 50-60 words, write a paragraph about some effective ways to learn English. (1 pt)

s, write a paragraph about some effective ways to learn English. (1 pt)
- THE END –

SỞ GD&ĐT BẮC GIANG

HƯỚNG DẪN CHẨM ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2016-2017

Môn: Tiếng Anh lớp 9(hiện hành)

•	T .		· • · ·
	101	anina	Intel
	1/15		2111.5
		tening($(-P^{-1})$

Part 1. Listen to the recording and circle the appropriate answer A, B or C (1pt) ($M\tilde{o}i$ câu đúng được 0,25 điểm)

1. C

2. B

3. A

4. C

Part 2. Listen then fill in each numbered blank with ONE suitable word (1pt (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. 3/ (Three)

2. blue

3. doll

4. father

II. Choose the word in each group whose <u>underlined part</u> is pronounced differently from others. (1 pt) (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. D. would

2. C. played

3. A. child

4. D.appear

III. Choose the best answer among A, B,C or D to complete the following sentences. (2 pts) (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. C. go ahead

2. B. has taken

3. D. after

4.A.would visit

5. B. does she

6.D.to getting

7. A. impressed

8.C.since

IV. Give the correct tense/ form of the verb in brackets. (1 pt)(Mỗi câu đúng 0.25 điểm)

1. hasn't seen

2. asked

3. are they speaking

4. was built.

V. Fill in each numbered blank with one suitable word in the box to complete the passage. (1 pt) 1.recently 2. to get 3.many 4.decorating

VI. Read the following passage then answer the questions. (1 pt) (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

- 1. Because they eat a lot of meat and only a small amount of grains, fruit and vegetables.
- 2. Yes, they do.
- 3. People are also eating more meat and dairy products in other countries such as Cuba and Hungary/ In Cuba and Hungary, (people are also eating more meat and dairy products).
- 4. Doctors everywhere advise people to eat more grains, fruit and vegetables and to eat less meat and fewer dairy products.

VII. Rewrite the sentence so that it means as the first one, beginning with the given words. (0,5 pt) (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

- 1. I didn't see my brother a month ago.
- 2. Nam asked Lan how often she went to the English Club.

VIII. Using the suggested words of phrases to write meaningful sentences. (0,5 pt) (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

- 1. We used to wear uniforms when we were at school.
- 2. He wishes he had a new computer.

IX. In 60-80 words, write a paragraph about some effective ways to learn English(1 pt)

Các tiêu chí chấm bài viết đoạn văn.

Nếu lac đề, bài viết sẽ bi điểm **không** (0)

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
Bố cục	 Đúng cấu trúc, bố cục của đoạn văn: ✓ Có câu chủ đề (topic sentence) mạch lạc, đúng chủ đề ✓ Các câu văn chứng minh, diễn giải (supporting sentences) rõ ràng, hợp lí (có ít nhất 2 câu) ✓ Câu kết (concluding sentence) rõ ràng, tóm tắt được chủ đề và các ý đã triển khai 	0,1 0,1 0,1
Nội dung,	✓ Viết đúng chủ đề, mạch lạc, nêu được các lập luận	0,1

Cách tính lỗi (trừ điểm) • Xuống dòng - 0,2 • Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy định) - 0,1 • Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, 0,02 • Mỗi lỗi từ vựng - 0,02	Ngôn ngữ, trình bày ✓ Liên kết các ý chặt chế (Sử dụng từ nối, liên từ phù hợp) 0,1 Ngôn ngữ, trình bày ✓ Sử dụng ngôn từ phù hợp với chủ đề, phù hợp với văn viết 0,1 ✓ Ba dạng về cấu trúc và từ vựng, hạn chế lặp lại từ vựng 0,1 ✓ Sử dụng đúng dấu câu, cấu trúc, thời thể đúng ngữ pháp 0,1 Cách tính lỗi (trừ điểm) Xuống dòng -0,2 Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy định) -0,1 - Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, -0,02 - Mỗi lỗi từ vựng -0,02	V Liên kết các ý chặt chẽ (Sử dụng từ nối, liên từ phù hợp) 0,1 V Đảm bảo số lượng từ theo yêu cầu 0,1 Ngôn ngữ, trình bày V Sử dụng ngôn từ phù hợp với chủ đề, phù hợp với văn viết 0,1 V Đa dạng về cấu trúc và từ vựng, hạn chế lặp lại từ vựng 0,1 V Sử dụng đúng dấu câu, cấu trúc, thời thể đúng ngữ pháp 0,1 Tổng điểm Cách tính lỗi (trừ điểm) - Xuống dòng - 0,2 - Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy định) - 0,1 - Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, 0,02		,	0.4
Ngôn ngữ, trình bày Sử dụng ngôn từ phù hợp với chủ đề, phù hợp với v in viết 0,1 Ngôn ngữ, trình bày Da dạng về cấu trúc và từ vựng, hạn chế lặp lại từ vựng 0,1 Tổng điểm 1,0 Cách tính lỗi (trừ điểm) Xuống dòng -0,2 Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy định) -0,1 Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu,0,02 Mỗi lỗi từ vựng -0,02	V Đảm bảo số lượng từ theo yêu cầu 0,1 Ngôn ngữ, trình bày ✓ Sử dụng ngôn từ phù họp với chủ đề, phù họp với văn viết 0,1 ✓ Đa dạng về cấu trúc và từ vựng, hạn chế lặp lại từ vựng 0,1 Tổng điểm 1,0 Cách tính lỗi (trừ điểm) - Xuống dòng - 0,2 - Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy định) - 0,1 - Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, - 0,02 - Mỗi lỗi từ vựng - 0,02	V Đảm bảo số lượng từ theo yêu cầu 0,1 Ngôn ngữ, trình bày ✓ Sử dụng ngôn từ phù họp với chủ đề, phù họp với văn viết 0,1 ✓ Đa dạng về cấu trúc và từ vựng, hạn chế lặp lại từ vựng 0,1 Tổng điểm 1,0 Cách tính lỗi (trừ điểm) - Xuống dòng - 0,2 - Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy định) - 0,1 - Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, - 0,02 - Mỗi lỗi từ vựng - 0,02	phát triển ý		0,1
Ngôn ngữ, trình bày ✓ Sử dụng ngôn từ phù hợp với chủ đề, phù hợp với v <i>ữn viết</i> ✓ Đa dạng về cấu trúc và từ vựng, hạn chế lặp lại từ vựng ✓ Sử dụng đúng dấu câu, cấu trúc, thời thể đúng ngữ pháp Cách tính lỗi (trừ điểm) Xuống dòng Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy định) Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, - 0,02 Mỗi lỗi từ vựng	Ngôn ngữ, trình bày ✓ Sử dụng ngôn từ phù hợp với chủ đề, phù hợp với văn viết ✓ Đa dạng về cấu trúc và từ vựng, hạn chế lặp lại từ vựng ✓ Sử dụng đúng dấu câu, cấu trúc, thời thể đúng ngữ pháp Cách tính lỗi (trừ điểm) Xuống dòng Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy định) Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, Mỗi lỗi từ vựng ✓ O,1 - 0,02	Ngôn ngữ, trình bày ✓ Sử dụng ngôn từ phù hợp với chủ đề, phù hợp với văn viết ✓ Đa dạng về cấu trúc và từ vựng, hạn chế lặp lại từ vựng ✓ Sử dụng đúng dấu câu, cấu trúc, thời thể đúng ngữ pháp Cách tính lỗi (trừ diễm) Xuống dòng Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy định) Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, Mỗi lỗi từ vựng ✓ O,1 - 0,2			0,1
Ngôn ngữ, trình bày ✓ Đa dạng về cấu trúc và từ vựng, hạn chế lặp lại từ vựng ✓ Sử dụng đúng đấu câu, cấu trúc, thời thể đúng ngữ pháp 1,0 Cách tính lỗi (trừ điểm) Xuống dòng – 0,2 Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy dịnh) Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, đấu câu, - 0,02 Mỗi lỗi từ vựng	Ngôn ngữ, trình bây ✓ Đa dạng về cấu trúc và từ vựng, hạn chế lặp lại từ vựng ✓ Sử dụng đúng dấu câu, cấu trúc, thời thể đúng ngữ pháp 1,0 Cách tính lỗi (trừ điểm) - Xuống dòng Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy định) - Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, - 0,02 Mỗi lỗi từ vựng	Ngôn ngữ, trình bây ✓ Đa dạng về cấu trúc và từ vựng, hạn chế lặp lại từ vựng ✓ Sử dụng đúng dấu câu, cấu trúc, thời thể đúng ngữ pháp 1,0 Cách tính lỗi (trừ điểm) - Xuống dòng - 0,2 - Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy định) - Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, - 0,02 - Mỗi lỗi từ vựng			0,1
trình bày ✓ Sử dụng dúng dấu câu, cấu trúc, thời thể dúng ngữ pháp 1,0 Cách tính lỗi (trừ điểm) Xuống dòng Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy định) → 0,1 Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, → 0,02 Mỗi lỗi từ vựng	trình bày ✓ Sử dụng dúng dấu câu, cấu trúc, thời thể dúng ngữ pháp 1,0 Cách tính lỗi (trừ điểm) Xuống dòng Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy định) Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, → 0,02 Mỗi lỗi từ vựng	trình bày ✓ Sử dụng dúng dấu câu, cấu trúc, thời thể dúng ngữ pháp 1,0 Cách tính lỗi (trừ điểm) Xuống dòng Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy định) - 0,1 - 0,02 Mỗi lỗi rừ vựng - 0,02	Ngôn ngữ		0,1
Tổng điểm Cách tính lỗi (trừ điểm) Xuống dòng Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy định) Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, Mỗi lỗi từ vựng O,1 - 0,2 - 0,02	Tổng điểm Cách tính lỗi (trừ điểm) Xuống dòng Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy định) - 0,1 Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, - 0,02 Mỗi lỗi từ vựng	Tổng điểm Cách tính lỗi (trừ điểm) Xuống dòng Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy định) Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, Mỗi lỗi từ vựng - 0,02			0,1
Cách tính lỗi (trừ điểm) • Xuống dòng - 0,2 • Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy định) - 0,1 • Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, 0,02 • Mỗi lỗi từ vựng - 0,02	Cách tính lỗi (trừ điểm) • Xuống dòng - 0,2 • Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy định) - 0,1 • Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, - 0,02 • Mỗi lỗi từ vựng - 0,02	Cách tính lỗi (trừ điểm) • Xuống dòng - 0,2 • Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy định) - 0,1 • Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, - 0,02 • Mỗi lỗi từ vựng - 0,02	-	✓ Sử dụng đúng dấu câu, cấu trúc, thời thể đúng ngữ pháp	0,1
Xuống dòng - 0,2 Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy định) - 0,1 Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, - 0,02 Mỗi lỗi từ vựng - 0,02	Xuống dòng - 0,2 Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy định) - 0,1 Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, - 0,02 Mỗi lỗi từ vựng - 0,02	Xuống dòng - 0,2 Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy định) - 0,1 Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, - 0,02 Mỗi lỗi từ vựng - 0,02	Γổng điểm		1,0
Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy định) - 0,1 - Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, 0,02 - Mỗi lỗi từ vựng - 0,02	Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy định) - 0,1 Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, 0,02 Mỗi lỗi từ vựng - 0,02	Số lượng từ (+ - 20% số từ theo quy định) - 0,1 Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, 0,02 Mỗi lỗi từ vựng - 0,02	,	Cách tính lỗi (trừ điểm)	
Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, - 0,02 Mỗi lỗi từ vựng - 0,02	- Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, 0,02 - Mỗi lỗi từ vựng - 0,02	- Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu, dấu câu, 0,02 - Mỗi lỗi từ vựng - 0,02			
Mỗi lỗi từ vựng - 0,02	- Mỗi lỗi từ vựng - 0,02	- Mỗi lỗi từ vựng - 0,02			
			Môi lôi từ vựng	<u> </u>	- 0,02